

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3821 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 01 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác cát, cuội, sỏi làm VLXD tại mỏ cát số 115, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Thọ Nam Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 5713/UBND-CN ngày 08/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương cho Công ty cổ phần Thọ Nam Sơn được khai thác trữ lượng cuội, sỏi tại mỏ cát số 115 xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác cát, cuội, sỏi làm VLXD tại mỏ cát số 115, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Thọ Nam Sơn tại Thông báo số 6414/STNMT-BVMT ngày 16/9/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án

nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 45/CV-TNS ngày 10/9/2021 của Công ty cổ phần Thọ Nam Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 910/Tr-STNMT ngày 30/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác cát, cuội, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát số 115 (sau đây gọi là dự án) của Công ty cổ phần Thọ Nam Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

- Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy, Giám đốc Công ty cổ phần Thọ Nam Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác cát, cuội, sỏi làm VLXD tại mỏ cát
số 115, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa
của Công ty cổ phần Thọ Nam Sơn
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin dự án

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác cát, cuội, sỏi làm VLXD tại mỏ cát số 115, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Chủ dự án: Công ty cổ phần Thọ Nam Sơn.

- Đại diện: Ông Trần Trung Dũng - Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Địa chỉ trụ sở chính: thôn 2 Bình Hòa, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

- Điện thoại: 0903.233.482

1.3. Phạm vi, quy mô, công suất, tuổi thọ của dự án:

- Diện tích khu vực thực hiện dự án: 85.058,1m², trong đó:

+ Khu vực mỏ có diện tích 74.250m²;

+ Khu vực bãi tập kết có diện tích 10.808,1m².

- Công suất: Dự án khai thác cát, cuội, sỏi làm vật liệu xây dựng với công suất 12.500m³/năm.

- Dự án đã được UBND tỉnh cấp phép khai thác theo Giấy phép số 124/GP-UBND ngày 10/4/2014; ngày 08/5/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã có Công văn số 5713/UBND-CN đồng ý chủ trương cho Công ty khai thác thêm trữ lượng cuội, sỏi tại mỏ cát nêu trên. Tính từ thời điểm được cấp phép ngày 10/4/2014 đến ngày 27/7/2020 (theo Công văn số 4573/SXD-VLXD ngày 27/7/2020 của Sở Xây dựng), Công ty đã tiến hành khai thác được khối lượng cát là 2.776m³ trên diện tích 12.665 m².

- Công ty đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo Quyết định số 455/QĐ-STNMT ngày 18/12/2013 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tính đến ngày 22/9/2021 là 55.943.328 đồng (theo giấy xác nhận ký quỹ của Quỹ bảo vệ môi trường Thanh Hóa đính kèm phụ lục của báo cáo).

- Thời gian khai thác dự án: đến hết ngày 10/4/2024.

2. Các tác động môi trường chính trong giai đoạn khai thác của dự án

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải.

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 4.395m³/ngày; Nước rửa tay, chân, giặt quần áo bảo hộ lao động sau mỗi ca làm việc: 0,9 m³/ngày.đêm; Nước thải vệ sinh: 0,36m³/ ngày.đêm; Nước thải nhà bếp 0,54 m³/ngày.đêm, thành phần nước thải chủ yếu là chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform, chất hoạt động bề mặt...

- Nước thải từ hoạt động khai thác cát: Nước thải cùng với lượng lớn bùn cặn lơ lửng trong nước, theo tính toán mức độ lan truyền độ đục lớn nhất do hoạt động khai thác về phía hạ lưu sông Mã khoảng 756m đến 1000m.

- Nước thải từ quá trình bơm cát, sỏi từ thuyền lên bãi tập kết, thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, bùn cặn.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải.

Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động: Nghiền sàng sỏi, cuội, bốc xúc cát, sỏi, bụi cuốn theo lớp xe trong quá trình vận chuyển; thành phần chủ yếu: bụi, CO, SO₂ và NO₂.

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là nhựa, giấy, bìa các tông, giẻ vụn, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...phát sinh khoảng 18kg/ngày.

- Chất thải khai thác: Bao gồm cát hạt mịn có lẫn đất sét phát sinh khoảng 625m³/năm.

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại.

- Chất thải lỏng nguy hại: Dầu thải phát sinh từ máy móc, thiết bị khoảng 34lít/năm;

- Chất thải rắn nguy hại bao gồm các thùng phuy, can, vỏ nhựa, giẻ lau dính dầu,... phát sinh khoảng 5,0 kg/tháng.

2.5. Các tác động không liên quan đến chất thải

- Tác động do tiếng ồn, độ rung từ hoạt động khai thác, vận chuyển, sàng phân loại...

- Tác động đến lòng bờ, bãi sông;

- Tác động đến nuôi trồng thủy sản, hệ sinh thái tại khu vực khai thác và các khu vực xung quanh;

- Tác động đến địa hình và chế độ thủy văn sông Mã tại khu vực khai thác;

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn khai thác

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải nhà vệ sinh tại bãi tập kết được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn (dung tích 6,0 m³); nước thải nhà ăn được xử lý qua bể tách dầu mỡ (dung tích 1,0 m³) sau đó thoát ra hệ thống tiêu thoát chung của khu vực.

+ Nước thải vệ sinh trên thuyền: Trang bị 01 nhà vệ sinh di động để thu gom và xử lý nước thải vệ sinh của công nhân trên thuyền;

- Nước thải trong quá trình khai thác:

+ Trong quá trình hút cát về bãi tập kết không để bùn, cát rò rỉ ra bên ngoài.

+ Không xả nước vệ sinh trên thuyền có chứa dầu mỡ xuống sông Mã.

+ Khai thác đúng độ sâu, ranh giới, diện tích khu vực theo đúng thiết kế.

+ Toàn bộ nước thải tách ra từ quá trình bơm hút được thu gom triệt để về hố lắng có thể tích 16,0 m³ trước khi chảy xuống sông Mã.

- Tại bãi tập kết: Công ty đã bố trí rãnh thoát nước dạng hõ có chiều dài 120m, rộng 0,8m và hố lắng có thể tích 16,0 m³ (kích thước dài 5m, rộng 4m và sâu 0,8m). Lượng nước chảy tràn trên bề mặt bãi tập kết sẽ được thu gom về hố lắng bằng rãnh thoát nước, sau đó mới thoát xuống sông Mã.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải.

- Thực hiện bơm hút đúng phạm vi được giới hạn, diện tích, chiều sâu trong phương án đã được phê duyệt.

- Vào những ngày nắng thường xuyên phun nước dập bụi trên mặt bằng khu vực bãi tập kết để hạn chế bụi trong quá trình xúc bốc đi tiêu thụ.

- Các thiết bị bốc xúc, sàng tuyển được bảo dưỡng định kỳ.

- Đối với hoạt động vận chuyển theo đường bộ:

+ Yêu cầu công nhân thường xuyên quét dọn thu gom vật liệu rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển.

+ Thuê xe phun nước dọc theo tuyến đường vận chuyển ngoại mỏ đi qua khu dân cư, với tần suất 02 lần/ngày, những ngày nắng, nóng, khô hanh tần suất sẽ được tăng thêm 4-6 lần/ngày;

+ Phương tiện vận chuyển cát phải được phủ bạt che kín, chở đúng trọng tải; trong quá trình vận chuyển vật liệu đi tiêu thụ nếu vật liệu vận chuyển bị rơi vãi ra tuyến đường Công ty bố trí công nhân thu gom, quét dọn.

+ Các phương tiện vận tải và máy móc cần phải tuân thủ quy trình kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam, có chứng chỉ an toàn kỹ thuật và môi trường; định kỳ bảo dưỡng, đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

- Chất thải sinh hoạt: Trang bị 02 thùng rác loại 30 lít đặt tại khu văn phòng và khu nhà kho. Chủ đầu tư hợp đồng với tổ phụ nữ xã Cẩm Bình để thu gom và xử lý định kỳ 01 ngày/ lần thu gom và đưa đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn từ quá trình khai thác: Cát hạt mịn lẫn đất sét và bùn tại hố lắng, định kỳ nạo vét, để khô sử dụng trồng cây.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

- Trang bị 01 thùng phuy 200 lít thu gom dầu thải và đặt tại kho chứa diện tích 3,0m²; 02 thùng phuy 80 lít thu gom chất thải nguy hại dạng rắn có dán nhãn và đặt trong kho tại bãi tập kết của doanh nghiệp. Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý.

3.5. Các tác động không liên quan đến chất thải

- *Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:*

+ Trang bị các dụng cụ chống ồn cho công nhân như: Nút tai chống ồn, bao tai.

- + Bố trí thời gian làm việc hợp lý trong ngày cho công nhân.
- + Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị hoạt động ở trạng thái tốt để hạn chế tiếng ồn.

- Biện pháp giảm thiểu lòng, bờ, bãi sông:

+ Áp dụng quy trình khai thác thống nhất theo thiết kế được duyệt, hạn chế tới mức thấp nhất sự mất mát của địa hình đáy sau quá trình khai thác. Thường xuyên theo dõi cao độ lớp cát khai thác tại các khu vực theo đúng thiết kế, định kỳ đo lại cao độ cos địa hình đáy sông để có kế hoạch khai thác phù hợp.

+ Khai thác theo đúng phạm vi ranh giới khu vực đã được cắm mốc, không khai thác ra các khu vực bên ngoài, nhất là khu vực gần bờ, bãi sông.

+ Không khai thác tập trung tại một chỗ, tránh khai thác quá độ sâu theo thiết kế.

+ Đóng cọc theo dõi diễn biến đường bờ để theo dõi các biến động về xói, sụt lở dòng sông, bờ sông, hiện tượng biến đổi dòng chảy, khi có các dấu hiệu bất thường phải ngừng khai thác ngay và kịp thời báo cơ quan chức năng để phối hợp giải quyết; tần suất quan trắc 01 tháng/lần trong thời gian khai thác.

- Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tới hoạt động nuôi trồng thủy sản, hệ sinh thái tại khu vực khai thác và các khu vực xung quanh: Phối hợp với chính quyền địa phương để thông báo thời gian khai thác hàng năm đến các hộ dân nuôi cá lồng xung quanh khu vực khai thác và có biện pháp hỗ trợ kịp thời đối với các hộ dân để các hộ dân có kế hoạch thu hoạch cá lồng trên sông trong phạm vi từ vị trí khai thác về phía hạ lưu khoảng 1,0Km (nằm trong vùng chịu tác động do lan truyền độ đục).

- Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động cấp nước và sản xuất nông nghiệp

+ Thông báo tới chính quyền địa phương và người dân khu vực về kế hoạch khai thác của dự án để UBND xã và người dân có kế hoạch canh tác, lấy nước phù hợp trong quá trình khai thác dự án.

+ Đối với các hộ dân sử dụng nguồn nước sông để cấp cho ăn uống sinh hoạt trong phạm vi từ vị trí khai thác về phía hạ lưu khoảng 1,0Km (nằm trong vùng chịu tác động do lan truyền độ đục) Công ty cam kết có chính sách hỗ trợ một phần kinh phí để các hộ dân mua nước đóng bình sử dụng cho ăn uống trong quá trình khai thác do độ đục tăng ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước.

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường.

a. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được lựa chọn thực hiện.

- Đối với khu vực moong khai thác: Phần hố moong ngập sâu trong nước; quá trình bồi lắng tự nhiên sẽ lấp đầy các hố moong nên sau khi kết thúc khai thác không phải san gạt.

- Do moong khai thác là bãi bồi giữa lòng sông, việc khai thác sẽ giúp

lưu thông dòng chảy; Phía bờ tả của sông Mã qua khu vực dự án đã được nhà nước đầu tư kè kiên cố từ năm 2010; phía bờ hữu là bên bồi sẽ được chủ đầu tư tiến hành đóng cọc để bảo vệ và theo dõi sạt lở.

- Khu vực bãi tập kết: tháo dỡ các công trình, san gạt và trả lại mặt bằng cho địa phương.

- Khu vực xung quanh: cải tạo lại tuyến đường ngoài mỏ.

b. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **117.313.519 đồng.**

+ Số tiền ký quỹ đã nộp trong giai đoạn khai thác trước đây tính đến ngày 22/9/2021: 55.943.382 đồng (theo xác nhận của Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa);

+ Số tiền còn lại Doanh nghiệp phải ký quỹ là: 117.313.519 đồng - 55.943.382 đồng = **61.370.137 đồng.**

- Số lần ký quỹ: 01 lần trong thời gian khai thác còn lại là 3 năm.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hoá.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021. Yếu tố trượt giá được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn khai thác.

**** Giám sát chất lượng môi trường không khí.***

- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần.

- Thông số giám sát: bụi và tiếng ồn, độ rung, CO, NO_x, SO₂.

- Vị trí giám sát: 02 vị trí

+ 01 điểm tại khu vực cổng ra vào bãi tập kết;

+ 01 điểm tại khu vực bãi tập kết;

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

+ QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu, giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

**** Giám sát chất lượng môi trường nước.***

- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần.

- Thông số chọn lọc: pH, chất rắn lơ lửng (TSS), COD, BOD₅, NH₄ theo N, Dầu mỡ, Coliform,

- Địa điểm giám sát: Nước sông Mã tại khu vực khai thác; cách khu vực khai thác về phía hạ lưu 300; 500 và 1000 m

- *Quy chuẩn so sánh:*

QCVN 08-MT: 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt (Cột B1)/.